

Số: _____-20/ĐATS-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2020

V/v Đề án Tuyển sinh năm 2021

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2021
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG

Mã trường: DSG

[A] THÔNG TIN CHUNG

[1] Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các cơ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
- Sứ mệnh: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ, với các trình độ: cao đẳng, đại học, cao học và nghiên cứu sinh; Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng có phẩm chất đạo đức, tư duy độc lập, sáng tạo, chuyên môn cao, nghiệp vụ giỏi, văn hóa, ngoại ngữ tốt, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ trang thông tin điện tử (website): <http://www.stu.edu.vn>
- Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):
 - + Mail Trường: stu@stu.edu.vn
 - + Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn
 - + Mail Văn phòng tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn

[2] Quy mô đào tạo tính đến ngày 31/12/2020

Khối ngành	Quy mô tại thời điểm 31/12/2020						
	Đại học					Cao đẳng sư phạm	
	Giáo dục chính quy			Giáo dục thường xuyên		Giáo dục chính quy	Giáo dục thường xuyên
	Cao học	Đại học	Liên thông đại học	Đại học	Liên thông đại học		
Khối ngành I	/	/	/	/	/	/	/
Khối ngành II	/	263	2	/	/	/	/
Khối ngành III	/	2108	10	/	/	/	/
Khối ngành IV	/	/	/	/	/	/	/
Khối ngành V	5	2898	62	/	/	/	/
Khối ngành VI	/	/	/	/	/	/	/
Khối ngành VII	/	/	/	/	/	/	/
Tổng cộng:	5	5269	74	/	/	/	/

[3] Thông tin về tuyển sinh chính quy của hai năm gần nhất

(1) Phương thức tuyển sinh của hai năm gần nhất:

- Xét tuyển học bạ THPT lấy điểm 5 học kỳ (học kỳ 1, học kỳ 2 của lớp 10, lớp 11; và học kỳ 1 lớp 12);

- Xét tuyển học bạ lớp 12 THPT lấy điểm theo tổ hợp 3 môn xét tuyển;
 - Xét tuyển kết quả thi trung học phổ thông (THPT);
 - Xét tuyển kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- (2) Điểm trúng tuyển của hai năm gần nhất:
- a. Điểm trúng tuyển của hai năm gần nhất – lấy từ kết quả kỳ thi THPT quốc gia:
- Điểm chuẩn trúng tuyển lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) và trường quy định.
 - Điểm chuẩn trúng tuyển thay đổi tùy theo đợt xét tuyển của thí sinh. Điểm chuẩn thấp nhất bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
 - Điểm thấp nhất là 14 điểm (cho tổng điểm của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển).
- b. Điểm trúng tuyển của hai năm gần nhất – lấy từ học bạ THPT:
- Điểm chuẩn trúng tuyển lớn hơn hoặc bằng 18,0 điểm (cho tổng điểm trung bình học bạ 05 học kỳ; hoặc tổng điểm trung bình lớp 12 THPT của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển).
- c. Điểm trúng tuyển của hai năm gần nhất – lấy từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh:
- Điểm chuẩn trúng tuyển lớn hơn hoặc bằng 600 điểm (cho điểm bài thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh).

[B] THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CỦA NĂM 2021

[1] Đối tượng tuyển sinh

- (1) Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:
- Đã tốt nghiệp THPT, theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề, hoặc tương đương. Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS), đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT;
 - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
 - Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được xét tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.
- (2) Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:
- Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự;
 - Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;
 - Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi đến năm 2021, hoặc tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);
 - Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự thi;
 - Cán bộ, công chức, người lao động thuộc cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

[2] Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

[3] **Phương thức tuyển sinh: Có bốn (04) phương thức xét tuyển**

- Phương thức 01: Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 5 học kỳ.
- Phương thức 02: Xét tuyển bằng học bạ lớp 12 THPT lấy điểm trung bình cuối năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển
- Phương thức 03: Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 lấy tổng điểm của 03 bài thi/môn thi thành phần trong tổ hợp xét tuyển.
- Phương thức 04: Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2021 để xét tuyển (ĐGNL_ĐHQG TP.HCM)

[4] **Ngành và chuyên ngành đào tạo**

Mã ngành	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số quyết định mở ngành hoặc đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành quyết định mở ngành hoặc đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ quyết định hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
	NGÀNH HIỆN ĐANG ĐÀO TẠO					
7210402	Thiết kế công nghiệp (TKCN)	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2007	2020
	<i>Thiết kế Sản phẩm</i>					
	<i>Thiết kế Thời trang</i>					
	<i>Thiết kế Đồ họa</i>					
	<i>Thiết kế Nội thất</i>					
7340101	Quản trị kinh doanh (QTKD)	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2004	2020
	<i>Quản trị Kinh doanh Tổng hợp</i>					
	<i>Quản trị Tài chính</i>					
	<i>Quản trị Marketing</i>					
7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2004	2020
	<i>Công nghệ Cơ điện tử</i>					
	<i>Công nghệ Robot và trí tuệ nhân tạo</i>					
7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2004	2020
7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2004	2020
7480201	Công nghệ thông tin	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2004	2020
7540101	Công nghệ thực phẩm	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2004	2020
7580201	Kỹ thuật xây dựng	866/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2004	2020

[5] **Chỉ tiêu tuyển sinh**

- (1) Tổng chỉ tiêu là 2.200 dành cho các ngành đào tạo đại học chính quy được cấp phép đào tạo từ năm 2004 đến nay.
- (2) Bảng phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh theo khối ngành, ngành và phương thức tuyển sinh:

Khối ngành - ngành tuyển	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh			
			PT_01	PT_02	PT_03	PT_04
			35%	25%	30%	10%
NGÀNH HIỆN ĐANG ĐÀO TẠO						
Khối ngành II		100	35	25	30	10
Thiết kế công nghiệp (TKCN)	7210402	100	35	25	30	10

Khối ngành - ngành tuyển	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Phân bố chỉ tiêu tuyển sinh			
			PT_01	PT_02	PT_03	PT_04
			35%	25%	30%	10%
Khối ngành III		600	210	150	180	60
Quản trị kinh doanh (QTKD)	7340101	600	210	150	180	60
Khối ngành V		1500	525	375	450	150
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	100	35	25	30	10
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	100	35	25	30	10
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	100	35	25	30	10
Công nghệ thông tin	7480201	600	210	150	180	60
Công nghệ thực phẩm	7540101	300	105	75	90	30
Kỹ thuật xây dựng	7580201	300	105	75	90	30
Tổng cộng		2200	770	550	660	220

- (3) Ngoài ra, nhà trường dự kiến dành 600 chỉ tiêu cho các ngành sẽ tuyển mới đào tạo trong năm học 2021 - 2022. Trường đã lập đề án đăng ký mở ngành. Nếu được mở ngành đào tạo, nhà trường sẽ bắt đầu tuyển sinh các ngành mới từ khóa tuyển sinh năm 2021. Các ngành dự kiến mở gồm có: Kiến trúc; Kỹ thuật máy tính; Quản lý xây dựng; Du Lịch; Ngôn ngữ Anh; và Truyền thông đa phương tiện.

[6] **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận xét tuyển**

- (1) Trường xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận xét tuyển và công bố trên website của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Đối với trường hợp xét tuyển bằng học bạ THPT, điểm nhận xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng 18,0 điểm (xét theo tổng điểm của tổ hợp xét tuyển);
 - Đối với trường hợp xét tuyển bằng phương thức khác, điểm nhận xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- (2) Thời điểm công bố:
- Đối với trường hợp xét tuyển bằng học bạ THPT, nhà trường sẽ công bố điểm nhận xét tuyển tại thời điểm bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển;
 - Đối với các trường hợp xét tuyển khác, nhà trường sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận xét tuyển (điểm sàn xét tuyển) ngay sau khi có kết quả của kỳ thi mà thí sinh sử dụng kết quả, trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển, và tại thời điểm bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển.

[7] **Thông tin cần thiết để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường**

- (1) Thông tin chung về trường
- Tên trường: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
 - Tên tiếng Anh: Saigon Technology University (STU)
 - Mã trường: DSG
 - Địa chỉ đào tạo: 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028.38505520 – Hotline: 0902.992306
 - Số fax: 028.38506595
 - Địa chỉ website: <http://www.stu.edu.vn> – Xem mục: Thông tin tuyển sinh năm 2021
 - Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):

- + Mail Trường: stu@stu.edu.vn
- + Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn
- + Mail Văn phòng tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn

(2) Ngành, mã ngành và các tổ hợp xét tuyển theo phương thức xét tuyển

a. Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 02 – xét điểm học bạ lớp 12 THPT của tổ hợp 03 môn:

Ngành xét tuyển	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển của Phương thức 02			
		Tổ hợp 01	Tổ hợp 02	Tổ hợp 03	Tổ hợp 04
Ngành hiện đang đào tạo					
Thiết kế Công nghiệp	7210402	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - LY - HO	VA - LY - NN
Quản trị Kinh doanh	7340101	TO - VA - NN	TO - LY - NN	VA - SU - NN	TO - LY - HO
CNKT Cơ điện tử	7510203	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - HO - NN	TO - LY - HO
CNKT Điện, điện tử	7510301	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - HO - NN	TO - LY - HO
CNKT Điện tử viễn thông	7510302	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - HO - NN	TO - LY - HO
Công nghệ Thông tin	7480201	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - VA - LY	TO - LY - HO
Công nghệ Thực phẩm	7540101	TO - HO - NN	TO - SI - NN	TO - HO - SI	TO - LY - HO
Kỹ thuật xây dựng	7580201	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - HO - NN	TO - LY - HO

b. Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 03 – xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021

Ngành xét tuyển	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển của Phương thức 03			
		Tổ hợp 01	Tổ hợp 02	Tổ hợp 03	Tổ hợp 04
Ngành hiện đang đào tạo					
Thiết kế Công nghiệp	7210402	TO - VA - NN	TO - LY - NN	VA - XH - NN	VA - TN - NN
Quản trị Kinh doanh	7340101	TO - VA - NN	TO - LY - NN	VA - XH - NN	TO - LY - HO
CNKT Cơ điện tử	7510203	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - TN - NN	TO - LY - HO
CNKT Điện, điện tử	7510301	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - TN - NN	TO - LY - HO
CNKT Điện tử viễn thông	7510302	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - TN - NN	TO - LY - HO
Công nghệ Thông tin	7480201	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - VA - LY	TO - LY - HO
Công nghệ Thực phẩm	7540101	TO - VA - NN	TO - SI - NN	TO - HO - SI	TO - LY - HO
Kỹ thuật xây dựng	7580201	TO - VA - NN	TO - LY - NN	TO - TN - NN	TO - LY - HO

c. Mã tổ hợp xét tuyển được quy ước tương ứng với môn ngoại ngữ dùng để xét tuyển:

STT	Tổ hợp xét tuyển		Mã tổ hợp tương ứng với môn ngoại ngữ dùng xét tuyển					
			Tiếng Anh	Tiếng Đức	Tiếng Nga	Tiếng Nhật	Tiếng Pháp	Tiếng Trung
	Tổ hợp môn	Viết tắt	N1	N5	N2	N6	N3	N4
01	Toán + Văn + Ngoại ngữ	TO - VA - NN	D01	D05	D02	D06	D03	D04
02	Toán + Lý + Ngoại ngữ	TO - LY - NN	A01	D26	D27	D28	D29	D30
03	Toán + Hóa + Ngoại ngữ	TO - HO - NN	D07	D21	D22	D23	D24	D25
04	Toán + Sinh + Ngoại ngữ	TO - SI - NN	D08	D31	D32	D33	D34	D35
05	Toán + KHTN + Ngoại ngữ	TO - TN - NN	D90	D92	D93	D94	D91	D95
07	Toán + Văn + Lý	TO - VA - LY	C01	C01	C01	C01	C01	C01
08	Toán + Lý + Hóa	TO - LY - HO	A00	A00	A00	A00	A00	A00
09	Toán + Hóa + Sinh	TO - HO - SI	B00	B00	B00	B00	B00	B00
10	Văn + Lý + Ngoại ngữ	VA - LY - NN	D11	D51	D52	D53	D54	D55

STT	Tổ hợp xét tuyển		Mã tổ hợp tương ứng với môn ngoại ngữ dùng xét tuyển					
			Tiếng Anh	Tiếng Đức	Tiếng Nga	Tiếng Nhật	Tiếng Pháp	Tiếng Trung
	Tổ hợp môn	Viết tắt	N1	N5	N2	N6	N3	N4
11	Văn + Sử + Ngoại ngữ	VA - SU - NN	D14	D61	D62	D63	D64	D65
12	Văn + KHTN + Ngoại ngữ	VA - TN - NN	D72	D73	D74	D75	D76	D77
13	Văn + KHXH + Ngoại ngữ	VA - XH - NN	D78	D79	D80	D81	D82	D83

(3) Công thức xét tuyển:

$$M_{XT} = (M_1 + M_2 + M_3) + M_{UT_KV} + M_{UT_ĐT}$$

a. Cách thức xét tuyển:

- Xét điểm M_{XT} theo tiêu chí từ điểm cao xuống thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu; không phân biệt tổ hợp xét tuyển.
- Chấp nhận chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ quy đổi thành điểm xét tuyển.

b. Quy ước ký hiệu:

- M_{XT} : Điểm tổng dùng để xét tuyển;
- M_1 ; M_2 và M_3 : Lần lượt là điểm thành phần trong tổ hợp xét tuyển.
- M_{UT_KV} và $M_{UT_ĐT}$: Điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng được xác định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Ngoài ra, điểm ưu tiên được quy đổi từ điểm tổng 30 điểm sang điểm tổng 1200 điểm và 100 điểm theo tỷ lệ tương ứng.

c. Đối với từng phương thức xét tuyển, công thức $M_{XT} = (M_1 + M_2 + M_3) + M_{UT_KV} + M_{UT_ĐT}$ được quy ước cách ghi và tính điểm ưu tiên khu vực, đối tượng. Cụ thể như sau:

Đối với	Điểm môn 01 M_1	Điểm môn 02 M_2	Điểm môn 03 M_3	Tổng điểm xét (chưa cộng điểm ưu tiên) & Điểm ưu tiên
Phương thức 01	Điểm trung bình cả năm Lớp 10 THPT (Thang điểm 10)	Điểm trung bình cả năm Lớp 11 THPT (Thang điểm 10)	Điểm trung bình học kỳ 1 Lớp 12 THPT (Thang điểm 10)	Tổng điểm xét 30 điểm KVUT 00,25 điểm ĐTUT 01,00 điểm
Phương thức 02	Điểm trung bình cả năm Lớp 12 THPT của môn 01 (Thang điểm 10)	Điểm trung bình cả năm Lớp 12 THPT của môn 02 (Thang điểm 10)	Điểm trung bình cả năm Lớp 12 THPT của môn 03 (Thang điểm 10)	Tổng điểm xét 30 điểm KVUT 00,25 điểm ĐTUT 01,00 điểm
Phương thức 03	Điểm thi THPT năm 2021 của bài thi/môn thi 01 (Thang điểm 10)	Điểm thi THPT năm 2021 của bài thi/môn thi 02 (Thang điểm 10)	Điểm thi THPT năm 2021 của bài thi/môn thi 03 (Thang điểm 10)	Tổng điểm xét 30 điểm KVUT 00,25 điểm ĐTUT 01,00 điểm
Phương thức 04	Điểm thi ĐGNL năm 2021 của ĐHQG TP.HCM (Thang điểm 1200)			Tổng điểm xét 1200 điểm KVUT 10,00 điểm ĐTUT 40,00 điểm

[8] Tổ chức tuyển sinh:

(1) Thời gian tuyển sinh:

- a. Trong thời gian tuyển sinh, thí sinh chủ động theo dõi thông tin trên website trường, mục Thông tin tuyển sinh năm 2021 để biết thông tin chi tiết.

- Đối với phương thức xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, nhà trường xét tuyển đợt 1 (ĐKXT_01) theo lịch chung của Bộ GD&ĐT. Trong trường hợp chưa tuyển đủ chỉ tiêu, nhà trường sẽ tiếp tục xét tuyển các đợt bổ sung (ĐKXT_BS). Trước mỗi đợt tuyển bổ sung, nhà trường sẽ thông báo lịch trình chi tiết.
- Đối với các phương thức xét tuyển khác nhà trường thực hiện theo lịch tuyển sinh riêng của trường.

b. Thời gian tuyển sinh từng đợt cụ thể dự kiến như sau:

Đợt xét tuyển	Đăng ký xét tuyển			Nộp hồ sơ TTNH và học phí		Ghi chú
	Bắt đầu	Kết thúc	TB_KQXT	Bắt đầu	Kết thúc	
Lịch xét tuyển chung theo Bộ Giáo dục và Đào tạo						
ĐỢT_00	Lịch chung	Lịch chung	Lịch chung	Lịch chung	Lịch chung	theo Bộ
Lịch xét tuyển riêng của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn						
ĐỢT_01	05/04/2021	02/07/2021	02/07/2021	12/07/2021	23/07/2021	13 Tuần
ĐỢT_02	05/07/2021	09/07/2021	09/07/2021	12/07/2021	23/07/2021	01 Tuần
ĐỢT_03	12/07/2021	16/07/2021	16/07/2021	12/07/2021	23/07/2021	01 Tuần
ĐỢT_04	19/07/2021	23/07/2021	23/07/2021	26/07/2021	30/07/2021	01 Tuần
ĐỢT_05	26/07/2021	30/07/2021	30/07/2021	02/08/2021	06/08/2021	01 Tuần
ĐỢT_06	02/08/2021	06/08/2021	06/08/2021	09/08/2021	13/08/2021	01 Tuần
ĐỢT_07	09/08/2021	13/08/2021	13/08/2021	16/08/2021	20/08/2021	01 Tuần
ĐỢT_08	16/08/2021	20/08/2021	20/08/2021	23/08/2021	27/08/2021	01 Tuần
ĐỢT_09	23/08/2021	27/08/2021	27/08/2021	30/08/2021	03/09/2021	01 Tuần
ĐỢT_10	30/08/2021	03/09/2021	03/09/2021	06/09/2021	10/09/2021	01 Tuần
ĐỢT_11	06/09/2021	10/09/2021	10/09/2021	13/09/2021	17/09/2021	Dự trữ
ĐỢT_12	13/09/2021	17/09/2021	17/09/2021	20/09/2021	24/09/2021	Dự trữ
ĐỢT_13	20/09/2021	24/09/2021	24/09/2021	27/09/2021	01/10/2021	Dự trữ
ĐỢT_14	27/09/2021	01/10/2021	01/10/2021	04/10/2021	08/10/2021	Dự trữ
ĐỢT_15	04/10/2021	08/10/2021	08/10/2021	11/10/2021	15/10/2021	Dự trữ
ĐỢT_16	11/10/2021	15/10/2021	15/10/2021	18/10/2021	22/10/2021	Dự trữ
ĐỢT_BS	18/10/2021	22/10/2021	22/10/2021	25/10/2021	29/10/2021	Dự trữ

(2) Hình thức nhận đăng ký xét tuyển:

a. Đăng ký xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (phương thức 03):

- Xét tuyển đợt 1 từ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 theo lịch trình và quy trình xét tuyển chung do Bộ GD&ĐT quy định.
- Xét tuyển bổ sung:
 - + Kết thúc xét tuyển đợt 1, Hội đồng Tuyển sinh xem xét, quyết định việc xét tuyển đợt bổ sung nếu tuyển chưa đạt chỉ tiêu.
 - + Nhà trường sẽ thông báo điều kiện xét tuyển bổ sung và công bố lịch trình xét tuyển trước thời điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển 15 ngày theo quy định.
- Cách nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Hồ sơ xét tuyển đợt 1 được nộp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; hoặc đăng ký trực tuyến trên website Bộ GD&ĐT.
 - + Hồ sơ xét tuyển đợt bổ sung được nộp trực tiếp tại trường, gửi qua đường bưu điện đến trường, hoặc đăng ký trên website trường trong đợt xét tuyển bổ sung.

- b. Đăng ký xét tuyển bằng phương thức sử dụng học bạ và kết quả kỳ thi ĐGNL_ĐHQG TP.HCM (phương thức 01; 02 và 04)
- Thực hiện theo lịch trình riêng của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
 - Dự kiến tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ thứ hai, ngày 05/04/2021 cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.
 - Cách nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Hồ sơ xét tuyển được nộp trực tiếp tại trường, gửi qua đường bưu điện đến trường hoặc đăng ký trực tuyến trên website của trường.
- (3) Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:
- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu, tải từ website của trường);
 - Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc, tương đương) (bản sao có chứng thực);
 - Chứng nhận ưu tiên khu vực và đối tượng tuyển sinh (nếu có);
 - Tùy theo từng phương thức xét tuyển, thí sinh phải nộp giấy tờ minh chứng cho kết quả học tập/kỳ thi mà thí sinh dùng để xét tuyển:
 - + Học bạ THPT (với phương thức 01 và 02);
 - + Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (với phương thức 03);
 - + Phiếu báo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2021 (với phương thức 04).
 - Bì thư có dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của người nhận.

[9] Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh:

- (1) Áp dụng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Bộ GD&ĐT quy định trong quy chế tuyển sinh hàng năm.
- (2) Đối với tổng điểm xét tuyển là 30 điểm, mỗi khu vực ưu tiên cách nhau 0,25 điểm; mỗi đối tượng ưu tiên cách nhau 1,0 điểm.
- (3) Quy đổi điểm ưu tiên theo tỷ lệ tương ứng từ thang điểm 30 đến thang điểm khác theo từng phương thức xét tuyển. Cụ thể như sau:

Phương thức xét tuyển	Tổng điểm xét (chưa cộng điểm ưu tiên)	Điểm ưu tiên	
		Khu vực	Đối tượng
Phương thức 01	30 điểm	00,25 điểm	01,00 điểm
Phương thức 02	30 điểm	00,25 điểm	01,00 điểm
Phương thức 03	30 điểm	00,25 điểm	01,00 điểm
Phương thức 04	1200 điểm	10,00 điểm	40,00 điểm

[10] Lệ phí tuyển sinh: 30.000 đồng/nguyên vọng xét tuyển

[11] Học phí đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

- Học phí dự kiến từ _____ đồng/học kỳ đến _____ đồng/học kỳ tùy theo ngành. Một năm thu hai học kỳ.
- Lộ trình tăng học phí tối đa là từ 05% đến 10% cho từng năm.

[12] Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2021 của trường:

- (1) Địa chỉ Văn phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- Số 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.38.505520 (số nội bộ: 106; 107; 109; 115; 116)
- Điện thoại đường dây nóng - Hotline: 0902992306
- Website: <http://www.stu.edu.vn>; mục Thông tin tuyển sinh năm 2021
- Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):
 - + Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn
 - + Mail Văn phòng tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn

(2) Thông tin người trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Lê Thị Ngọc Phương	Thạc sĩ; Trưởng phòng Đào tạo	028.38505520	phuong.lethingoc@stu.edu.vn
2	Hoàng Thị Thu Nguyệt	Thạc sĩ; Phó phòng Đào tạo	028.38505520	nguyet.hoangthithu@stu.edu.vn
3	Vũ Hùng Tuấn	Kỹ sư, Chuyên viên Phòng Đào tạo	028.38505520	tuan.vuhung@stu.edu.vn
4	Ngô Trần Trúc Chi	Kỹ sư, Chuyên viên Phòng Đào tạo	0902992306	chi.ngotrantruc@stu.edu.vn

[C] THỜI GIAN DỰ KIẾN TUYỂN SINH CÁC ĐỢT BỔ SUNG TRONG NĂM

- Tuyển sinh đại học theo lịch trình chung và riêng như đã trình bày trong đề án tuyển sinh đại học năm 2021. Nhà trường dự kiến: Thí sinh trúng tuyển nhập học học kỳ 1 năm học 2021 – 2022 từ Thứ hai, ngày 06/09/2021.
- Trong trường hợp rất cần thiết, nhà trường sẽ tổ chức tuyển sinh đợt bổ sung. Nhà trường dự kiến: Thí sinh trúng tuyển nhập học học kỳ 2 năm học 2021 – 2022 từ Thứ hai, 14/02/2022 (thường không xảy ra).

[D] THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHÍNH

[1] Hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đạt chuẩn Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Giai đoạn 2018 – 2023 theo Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học số 023/CEAHCM-Tr ngày 04/06/2018 ban hành kèm theo Quyết định 17/QĐ-TTKĐ ngày 04/06/2018 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Thực phẩm đạt chuẩn kiểm định AUN - QA – Giai đoạn 2020 – 2025.

[2] Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

(1) Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 20.000 m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên 01 sinh viên chính quy là 4,26 m²/sinh viên.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 500 chỗ.

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng m ²
1	Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	142 phòng	12.050
	– Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2 phòng	1.115
	– Phòng học từ 100 – 200 chỗ	22 phòng	2.980
	– Phòng học từ 50 – 100 chỗ	40 phòng	3.319
	– Phòng học dưới 50 chỗ	16 phòng	931
	– Phòng học đa phương tiện	53 phòng	3.435

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng m ²
	– Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	9 phòng	270
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6 phòng	686
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	74 phòng	9937

- (2) Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị
- Nhà trường hiện có 74 phòng thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, studio, xưởng điêu khắc, xưởng vẽ, và các loại phòng thực hành khác; kèm theo các trang thiết bị chi tiết phục vụ cho các bài thực hành, thí nghiệm, và thực tập. Danh sách chi tiết trong phụ lục kèm theo.

- (3) Thống kê học liệu (sách, tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

- a. Số lượng sách, tạp chí trong thư viện trường và thư viện khoa/ban chuyên môn

Nhóm ngành đào tạo	Số lượng sách tại Thư viện	Số lượng sách tại Khoa, Ban, Trung tâm	Tổng cộng
Khối ngành II	1851	0	1851
Thiết kế Công nghiệp	1851		1851
Khối ngành III	2827	412	3239
Quản trị Kinh doanh	2827	412	3239
Khối ngành V	5966	988	6954
Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	554		554
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	2153	263	2416
Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông	301		301
Công nghệ Thông tin	1380	322	1702
Công nghệ Thực phẩm	568	356	924
Kỹ thuật Công trình Xây dựng	1010	47	1057
Sách dùng chung	4643	999	5642
Tổng cộng	15287	2399	17686

- b. Ebook, cơ sở dữ liệu điện tử: Trường mua quyền truy cập 04 cơ sở dữ liệu (CSDL) sau: IEEE; Proquest; Springer; và Thomson Innovation.

[3] Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu

- (1) Tình hình chung

- Tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy là ___ người.
- Trung bình chung đạt ___ sinh viên/giảng viên quy đổi.
- Cán bộ, giảng viên cơ hữu của trường có hơn 90% giảng viên đạt trình độ sau đại học.

- (2) Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

[4] Danh sách cán bộ, giảng viên thỉnh giảng

Ngoài danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu, nhà trường có thể mời hàng trăm giảng viên, cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật đến từ các học viện, đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp trong cả nước để sinh viên có cơ hội học tập, làm việc với đội ngũ giảng viên, chuyên gia có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm.

[5] Tình hình tốt nghiệp và có việc làm

- (1) Số lượng sinh viên tốt nghiệp và hiệu suất đào tạo

- Tính đến nay, qua 23 năm đào tạo, Trường đã tuyển được 22 khóa cao đẳng, 17 khóa đại học, 16 khóa liên thông đại học và 10 khóa trung cấp. Đào tạo được 17.709 kỹ sư/cử nhân đại học, 11.198 kỹ sư/cử nhân cao đẳng và 1.819 người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp. Trong đó, 30.292 người tốt nghiệp hệ chính quy tập trung và 433 người tốt nghiệp hệ vừa làm vừa học.
- Tùy theo loại hình, bậc và ngành đào tạo, hiệu suất đào tạo đạt tỷ lệ 70 – 80% (tỷ lệ % số sinh viên tốt nghiệp trên số tuyển đầu vào học năm thứ nhất)

(2) Tình hình sinh viên tốt nghiệp và có việc làm

- Tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp.
 - Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau thời gian 02 tháng là 60 - 65% (*Khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp vào tháng 08 - 10 hàng năm khi sinh viên làm thủ tục ra trường và nhận bằng tốt nghiệp*);
 - Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau thời gian 12 tháng là 90 - 97% ;
 - Trong đó, số người có việc phù hợp ngành đào tạo chiếm hơn 60%.
- Thống kê chi tiết sinh viên tốt nghiệp và có việc làm của hai khóa gần nhất:

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh chung	Số SV nhập học	Số SV tốt nghiệp (*)	Số SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng (**)
Khóa tuyển sinh 2014	1.650	1.480	928	
- Đại học Khối ngành II		154	85	> 94%
- Đại học Khối ngành III		551	396	> 96%
- Đại học Khối ngành V		775	447	> 95%
Khóa tuyển sinh 2015	2.000	2.266	1085	
- Đại học Khối ngành II		101	57	> 97%
- Đại học Khối ngành III		646	410	> 96%
- Đại học Khối ngành V		1519	618	> 97%

(*) Khóa 2015 còn tiếp tục được xét tốt nghiệp thêm một, hai đợt nữa.

(**) Số sinh viên có việc làm được tính trên số có việc và số phản hồi.

[6] Tài chính

- (1) Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2020 của trường: _____ đồng (bằng chữ: _____ đồng).
- (2) Tổng chi phí đào tạo trung bình của một sinh viên trong một năm của năm 2020 là _____ đồng/sinh viên/năm, không bao gồm một số khoản chi khác.

Trên đây là Đề án tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trân trọng.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT
- Hội đồng Quản trị;
- Hội đồng Tuyển sinh;
- Trang thông tin điện tử website;
- Lưu Phòng Hành chính – Quản trị;
- Lưu Phòng Đào tạo; NP (7).

PGS. TS. Cao Hào Thi